

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

Số: 05 /KL-TTTP-P2

## KẾT LUẬN THANH TRA

Về kết quả thanh tra chuyên đề lĩnh vực khoáng sản vật liệu xây dựng đối với Chủ đầu tư của 06 mỏ khoáng sản vật liệu đá xây dựng có công suất khai thác lớn và cung ứng cho các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân Thành phố Bùi Minh Thạnh tại Thông báo số 307/TB-VP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTTP-P2 ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chánh Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh về việc thanh tra chuyên đề lĩnh vực khoáng sản vật liệu xây dựng đối với Chủ đầu tư của 06 mỏ khoáng sản vật liệu đá xây dựng có công suất khai thác lớn và cung ứng cho các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Từ ngày 13 tháng 01 năm 2026 đến ngày 25 tháng 3 năm 2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại các đơn vị.

Xét báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, giải trình của đối tượng thanh tra và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, căn cứ quy định pháp luật, Chánh Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau:

### I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trên cơ sở báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, 6 mỏ khoáng sản đá vật liệu xây dựng do 5 doanh nghiệp làm chủ đầu tư, pháp lý khai thác khoáng sản, như sau:

#### 1. Mỏ đá xây dựng Tam Lập 3 tại xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh

Do Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương làm chủ đầu tư. Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 36/GP-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 23 tháng 2 năm 2022 (khoáng sản chính là đá xây dựng với trữ lượng khai thác  $7.488.605m^3$  nguyên khối và khoáng sản phụ là đất tầng phủ dùng để san lấp, trữ lượng khai thác  $1.634.105m^3$  nguyên khối); Giấy phép khai thác khoáng sản số 05/GP-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 (Công suất khai thác đá xây dựng  $1.000.000m^3$  nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ; Thời gian khai thác 09 năm kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2024); Bắt đầu khai thác từ ngày 02 tháng 12 năm 2024.

#### 2. Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ B+C tại xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Do Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương làm chủ đầu tư. Được chấp thuận chủ trương thăm dò xuống sâu đến cote -70m theo Công văn số

861/UBND-KTN ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ); phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng theo Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2015 (*khoáng sản chính là đá xây dựng với trữ lượng khai thác 22.326.387m<sup>3</sup> nguyên khối và khoáng sản phụ là đất tầng phủ dùng san lấp, trữ lượng khai thác 1.602.996m<sup>3</sup> nguyên khối (đất đầu + phong hóa)*); liên quan đến thời kỳ thanh tra được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 134/GP-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 - thay thế các Giấy phép giai đoạn trước (*Công suất khai thác đá xây dựng 1.500.000m<sup>3</sup> nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ; Thời gian khai thác từ năm 2008 đến nay, qua 2 lần mở rộng, trong đó theo Giấy phép số 134/GP-UBND là 14 năm kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2015*); Bắt đầu khai từ ngày 05 tháng 10 năm 2015 (*theo Giấy phép số 134/GP-UBND*).

### **3. Mỏ đá xây dựng Thường Tân IV tại xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh**

Do Công ty CP Đá Hoa Tân An làm chủ đầu tư. Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 97/GP-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2018; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2019 (*khoáng sản chính là đá xây dựng với trữ lượng khai thác 71.346.386m<sup>3</sup> nguyên khối và khoáng sản phụ là đất tầng phủ dùng để san lấp, trữ lượng khai thác 2.495.518m<sup>3</sup> nguyên khối*), liên quan đến thời kỳ thanh tra được cấp các Giấy phép khai thác khoáng sản:

- Giấy phép số 183/GP-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2006 (*Công suất khai thác đá xây dựng 900.000m<sup>3</sup>/năm, khoáng sản phụ đi kèm: vật liệu san lấp; Thời gian khai thác mỏ 11 năm 6 tháng kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2006*); Bắt đầu khai thác từ ngày 14 tháng 01 năm 2007.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 77/GP-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2019 (*Công suất khai thác đá xây dựng 1.400.000m<sup>3</sup> nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ; Thời gian khai thác 30 năm kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2019*); Bắt đầu khai thác từ ngày 06 tháng 9 năm 2019.

- Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 77/GP-UBND (*Công suất khai thác đá xây dựng 2.000.000m<sup>3</sup> nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ; Thời gian khai thác 21 năm 11 tháng kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2025*); Bắt đầu khai thác từ ngày 20 tháng 6 năm 2025.

### **4. Mỏ đá xây dựng Rạch Rạt tại xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh**

Do Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP làm chủ đầu tư. Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 252/GP-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 (*khoáng sản chính là đá xây dựng với trữ lượng khai thác 25.028.340m<sup>3</sup> nguyên khối và khoáng sản phụ là đất tầng phủ dùng để san lấp, trữ lượng khai thác 2.053.400m<sup>3</sup> nguyên khối*); Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2019 (*Công suất khai thác đá xây dựng 800.000m<sup>3</sup> nguyên*

*khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ; Thời gian khai thác 16 năm kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2019); Bắt đầu khai thác từ ngày 21 tháng 6 năm 2019.*

### **5. Mỏ đá xây dựng Thường Tân III tại xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Do Công ty CP Xây dựng Bình Dương làm chủ đầu tư. Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 98/GP-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2018; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2019 (*khoáng sản chính là đá xây dựng với trữ lượng khai thác  $32.020.145m^3$  nguyên khối và khoáng sản phụ là đất tầng phủ dùng để san lấp, trữ lượng khai thác  $1.464.528m^3$  nguyên khối*); liên quan đến thời kỳ thanh tra được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 (*Công suất khai thác đá xây dựng  $1.700.000m^3$  nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ; Thời gian khai thác 10 năm kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2019*); Bắt đầu khai thác từ ngày 09 tháng 9 năm 2019 (*theo Giấy phép số 78/GP-UBND*).

### **6. Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ A+D tại xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh**

Do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Tân Mỹ làm chủ đầu tư. Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 16/GP-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2014, phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2015 (*khoáng sản chính là đá xây dựng với trữ lượng khai thác  $27.405.122m^3$  nguyên khối và khoáng sản phụ là đất tầng phủ dùng để san lấp, trữ lượng khai thác  $4.853.137m^3$  nguyên khối*), được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 266/GP-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 (*công suất khai thác đá xây dựng  $700.000m^3$  nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ; Thời gian khai thác 22 năm kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2016*); Bắt đầu khai thác từ ngày 16 tháng 12 năm 2016.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **1. Tình hình chấp hành quy định pháp luật về khai thác khoáng sản**

#### **1.1. Về thực hiện thủ tục đất đai**

Có 5 Chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) cho thuê đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với mục đích sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản tại 6 mỏ nêu trên.

Đến thời điểm hiện nay, 6/6 mỏ còn thời hạn thuê đất: Có 1/6 mỏ đã được cho thuê đất đối với toàn bộ diện tích dự kiến sử dụng (*Mỏ Rạch Rạt:  $565.315,8m^2$* ); Có 5/6 mỏ còn 1 phần diện tích dự kiến sử dụng chưa thực hiện thủ tục thuê đất ( *$290.961,90m^2/364.543,70m^2$  đối với Mỏ Tam Lập 3;  $123.326,10m^2/567.000,00m^2$  đối với Mỏ Tân Mỹ B+C;  $54.601m^2/693.000m^2$  đối với Mỏ Thường Tân IV;  $123.316,8m^2/582.009,8m^2$  đối với Mỏ Thường Tân III;  $304.457,4m^2/597.823m^2$  đối với Mỏ Tân Mỹ A+D*).

Qua thanh tra nhận thấy:

- Có 1/6 mỏ không phải đóng tiền thuê đất do đã được khấu trừ vào chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (*Mỏ Tam Lập 3: đối với diện tích 73.581,80m<sup>2</sup> đã thuê không phải nộp đến ngày 03 tháng 4 năm 2033*).

- Có 5/6 mỏ còn lại phải nộp tiền thuê đất 1 phần. Theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, tổng số tiền thuê đất đã thu của 5 mỏ này là 22.718.189.964 đồng (*Mỏ Tân Mỹ B+C: 493.910.772 đồng; Mỏ Tân Mỹ A+D: 1.150.542.606 đồng; Mỏ Thường Tân IV: 14.765.942.890 đồng; Mỏ Rạch Rạt: 6.307.793.696 đồng*).

- Có 1/5 mỏ chưa thực hiện thuê đất đối với khu vực dự kiến xây dựng sân công nghiệp, bãi thải, các công trình phụ trợ theo thiết kế bản vẽ thi công được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương (cũ) thẩm định (*Mỏ Tam Lập 3*).

- Có 1/5 mỏ sử dụng đất (15.000m<sup>2</sup>) phục vụ hoạt động khai thác nhưng chưa được Nhà nước cho thuê, nội dung này năm 2019 đã được Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương (cũ) xử lý vi phạm (*Quyết định số 478/QĐ-XPVPHC ngày 24 tháng 12 năm 2019*) nhưng đến nay Chủ đầu tư mỏ chưa khắc phục là chưa thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (*Mỏ Tân Mỹ A+D*).

- Có 1/6 mỏ chưa được Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh đơn giá thuê đất chu kỳ 5 năm/lần theo hợp đồng cho thuê (*Mỏ Tân Mỹ A+D*).

## **1.2. Việc quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản**

### *1.2.1. Về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường*

Theo Giấy xác nhận của Quỹ Bảo vệ môi trường, trong niên độ thanh tra các Chủ đầu tư mỏ đã thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường đối với 6/6 mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng với tổng số tiền là 21.505.619.869 đồng.

### *1.2.2. Về khai thác, kiểm soát khối lượng khoáng sản*

6/6 mỏ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, tính đến thời điểm hiện nay các Giấy phép còn thời hạn; đã mở moong và tiến hành hoạt động khai thác, chế biến, bán khoáng sản; có lắp đặt trạm cân kiểm soát khối lượng đá nguyên khai được kiểm định còn hạn sử dụng, vị trí lắp đặt theo thiết kế cơ sở và quanh khu vực có gắn camera giám sát (*thời điểm Thanh tra Thành phố khảo sát*); có thực hiện báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản định kỳ; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; lập bản đồ hiện trạng và mặt cắt khu vực khai thác các năm trong thời kỳ thanh tra.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Thời điểm kiểm tra thể hiện trên hồ sơ do doanh nghiệp cung cấp, 6/6 mỏ chưa vượt trữ lượng khai thác cho phép. Trong đó, có 2/6 mỏ khai thác vượt công suất dưới 15% so với Giấy phép được cấp (*Mỏ Thường Tân IV: năm 2020 vượt 2%, năm*

2022 vượt 10,7%; năm 2024 vượt 11,3%; *Mỏ Thường Tân III*: năm 2022 là 4,037%, năm 2023 là 13,919 %; năm 2024 là: 13,97%, năm 2025 là: 14,306%).

- Có 1/6 mỏ khu vực khai thác khoáng sản thiếu cột mốc (1 cột số 5) là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản (*Mỏ Thường Tân IV*).

- Có 1/6 mỏ đưa dự án vào khai thác chậm (9 tháng); và chưa xây dựng sân công nghiệp, bãi thải, các công trình phụ trợ bảo đảm theo tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm định là chưa thực hiện đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 (*Mỏ Tam Lập 3*).

- Có 1/6 mỏ khai thác vượt mức sâu cho phép (*Mỏ Rạch Rạt*: vượt độ sâu 1,15m). Nội dung này đã được Công an tỉnh Bình Dương (cũ) ban hành Kết luận kiểm tra số 13/KLKT-CAT-PC03 ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 109/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 4 năm 2024.

- Có 1/6 mỏ sử dụng đất, đá thải mỏ phục vụ thi công công trình không thuộc phạm vi diện tích của dự án khai thác khoáng sản là chưa thực hiện đúng quy định điểm b khoản 1 Điều 69 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản (*sử dụng 8.973 tấn đất, đá thải từ Mỏ Tam Lập 3 để phục vụ thi công các công trình của Mỏ Phước Vĩnh cùng Chủ đầu tư*).

- Có 1/6 mỏ bố trí máy nghiền (2 máy) không theo đúng thiết kế cho từng giai đoạn là chưa thực hiện đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản (*Mỏ Rạch Rạt*).

- Có 1/6 mỏ, chưa trám lấp giếng khoan trong khu vực khai thác là chưa thực hiện đúng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 12 Nghị định số 290/2025/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước (*Mỏ Thường Tân IV*).

### **1.3. Về giấy phép môi trường, an toàn lao động**

6/6 mỏ được cơ quan có thẩm quyền (*Bộ Tài nguyên Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cũ*) phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án cải tạo phục hồi môi trường; có báo cáo giám sát môi trường, báo cáo quản lý chất thải nguy hại; ký hợp đồng với đơn vị chức năng thực hiện thu gom, xử lý chất thải nguy hại, sinh hoạt trong quá trình khai thác; có thực hiện các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm; có thực hiện các biện pháp an toàn vệ sinh lao động.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Có 5/6 mỏ đã được cấp Giấy phép môi trường.

- Có 1/6 mỏ chưa xây dựng bãi thải nên các chất thải được đổ, chứa, lưu giữ tại bãi thải, kho chứa chất thải của Mỏ Phước Vĩnh (*giáp ranh, đã có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án số 14/GXN-TCMT ngày 16 tháng 01 năm 2018*) chưa phù hợp vị trí thiết kế được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương (cũ) thẩm định; đồng thời thuộc dự án đầu nhóm II theo quy định tại số thứ tự 9 mục III Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường là đối tượng phải có Giấy phép môi trường khi đi vào vận hành chính thức, tuy nhiên đến nay chưa có Giấy phép môi trường là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 (*Mỏ Tam Lập 3*).

- Các mỏ có lập, xây dựng và ban hành văn bản về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản tuy nhiên chưa đúng tên và nội dung theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên ban hành kèm theo Thông tư số 20/2009/TT-BCT, mục 5 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

#### **1.4. Việc thực hiện pháp luật về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

6/6 mỏ có thực hiện kế hoạch giám sát, thông báo về việc sử dụng vật liệu nổ cho các cơ quan quản lý và ký hợp đồng cung cấp vật liệu nổ với các đơn vị có chức năng. Trong đó:

- Có 4/6 mỏ được cơ quan có thẩm quyền (*Sở Công thương tỉnh Bình Dương cũ*) cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, chủ đầu tư tự thực hiện nổ mìn, tự lập và phê duyệt quy định về công tác khoan nổ mìn, có ban hành quy định, hướng dẫn việc đo giám sát chấn động nổ mìn (*Mỏ Tam Lập 3, Mỏ Tân Mỹ B+C, Mỏ Thường Tân III, Mỏ Rạch Rạt*).

- Có 2/6 mỏ được chủ đầu tư thuê đơn vị chức năng thực hiện nổ mìn (*Mỏ Tân Mỹ A+D, Mỏ Thường Tân IV*).

#### **1.5. Về thực hiện pháp luật về nghĩa vụ tài chính**

6/6 mỏ có thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên; phí bảo vệ môi trường.

Qua thanh tra nhận thấy:

##### **1.5.1. Đối với tiền cấp quyền khai thác**

Trong giai đoạn 2019 - 2025, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu ban hành 6 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 6 mỏ, với số tiền 319.580.443.689 đồng. Tuy nhiên:

- Có 1/6 mỏ, Chủ đầu tư còn nợ tiền cấp quyền theo thông báo của cơ quan Thuế (*Mỏ Tam lập 3: còn nợ 3.297.699.793 đồng*), ngày 07 tháng 4 năm 2026 Chủ đầu tư mỏ đã nộp bổ sung (*Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 07 tháng 4 năm 2026*).

- Có 1/6 mỏ, Chủ đầu tư còn nợ tiền cấp quyền bổ sung theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) (*Mỏ Tân Mỹ A+D: còn nợ 3.274.451.325 đồng*), ngày 09 tháng 02 năm 2026 Chủ đầu tư mỏ đã nộp bổ sung số tiền còn nợ (*Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 2165839*).

- Có 2/6 mỏ, Chủ đầu tư còn nợ tiền cấp quyền bổ sung theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ): Mỏ Tân Mỹ A+D còn nợ 3.274.451.325 đồng, ngày 09 tháng 02 năm 2026 đã nộp bổ sung (*Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 2165839*); Mỏ Tân Mỹ B+C còn nợ 14.691.273.642 đồng.

Nguyên nhân chủ yếu là do Chủ đầu tư mỏ cho rằng hiện nay Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP đã có hiệu lực thi hành, theo đó: đối với phần trữ lượng khoáng sản chưa trữ bảo vệ và hào vận chuyển không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Việc tính và nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 111 Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 nên các Chủ đầu tư mỏ đang thực hiện thủ tục quyết toán, sau khi Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quyết toán và xác định chính xác số tiền cấp quyền còn phải nộp bổ sung (*nếu có*), Chủ đầu tư mỏ sẽ chấp hành nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Có 1/6 mỏ được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Dương (cũ) ban hành văn bản xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm từ năm 2018 - 2022 (*Công văn số 2533/STNMT-TNNKS ngày 27 tháng 6 năm 2023*) không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*Mỏ Tân Mỹ A+D*).

### 1.5.2. Thuế tài nguyên

Theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp: tổng số tiền thuế tài nguyên đã thu của 6 mỏ là 497.836.932.842 đồng, các doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp Thuế tài nguyên hàng tháng và Quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên.

### 1.5.3. Phí bảo vệ môi trường

Theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp: tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đã thu của 6 mỏ là 250.308.122.203 đồng, việc kê khai và nộp phí do các Chủ đầu tư mỏ chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP và Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Trong đó:

- Có 1/6 mỏ, Chủ đầu tư còn nợ phí bảo vệ môi trường năm 2019 do áp dụng hệ số chưa phù hợp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) (*Mỏ Tân Mỹ B+C: còn nợ 336.529.888 đồng*), Chủ đầu tư mỏ đã nộp bổ sung theo Quyết định số 631/QĐ-TTTP-P2 ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Thanh tra Thành phố (*Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 28 tháng 5 năm 2026*).

## 2. Việc cung ứng vật liệu xây dựng cho các dự án, công trình trọng điểm

### 2.1. Kết quả cung ứng vật liệu xây dựng cho các dự án, công trình trọng điểm trong thời kỳ thanh tra

Các mỏ cung ứng sản phẩm đá xây dựng theo 2 hình thức trực tiếp (*tại mỏ hoặc bến thủy nội địa của mỏ*) và gián tiếp (*qua đơn vị phân phối trung gian vận chuyển bằng đường bộ hoặc đường thủy đến công trình*). Trong đó, 5/6 mỏ chỉ thực hiện mua bán trực tiếp tại mỏ hoặc bến thủy nội địa, không có dịch vụ vận chuyển; 1/5 mỏ (*Mỏ Rạch Rạt*) ngoài bán trực tiếp tại mỏ, có thực hiện vận chuyển bằng đường bộ đến công trình (*theo nhu cầu của khách hàng*).

Giá bán đá xây dựng hiện do Chủ đầu tư mỏ xác định theo nguyên tắc thị trường và niêm yết tại đơn vị. Qua kiểm tra giá bán các loại đá thành phẩm (*bao gồm cả đá hộc thành phẩm*) dao động trong năm 2025 từ 106.250 đồng đến 192.000 đồng theo từng thời điểm, mỗi lần điều chỉnh giá bán tăng từ 2.000 đồng đến 3.000 đồng và có thông báo đến khách hàng (*Mỏ Tam Lập 3, Mỏ Tân Mỹ B+C*).

Khu vực xã Phú Giáo xa các công trình trọng điểm nên chi phí vận chuyển chiếm khoảng 1/3 giá thành đá xây dựng (*khoảng 80.000 đồng đến 90.000 đồng/tấn*). Riêng từ tháng 6 năm 2025 đến thời điểm thanh tra, tỷ lệ biến động giá vận chuyển tăng khoảng 12,5%.

Trong đó, cung ứng cho các công trình, dự án trọng điểm như sau:

- Giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024: 5/6 mỏ không trực tiếp cung ứng cho các công trình, dự án trọng điểm; chủ yếu bán thương mại phục vụ các công trình dân dụng, đường giao thông ở địa phương; 1/6 mỏ có cung ứng cho các công trình, dự án trọng điểm (*Mỏ Thường Tân III: 291.078,9 tấn*).

- Giai đoạn từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 9 năm 2025 và năm 2026: Từ đầu năm 2025 được sự chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ)<sup>1</sup>, Chủ đầu tư và đơn vị thi công các công trình, dự án trọng điểm đã có các văn bản thông tin nhu cầu vật liệu gửi các Chủ đầu tư mỏ để phối hợp cung cấp theo nhu cầu.

Theo báo cáo của các đơn vị thi công công trình, dự án trọng điểm trong năm 2025 giá đá thành phẩm các loại tăng từ 25% đến 52%.

Qua thanh tra ghi nhận giá bán đá xây dựng hiện do Chủ đầu tư mỏ xác định theo nguyên tắc thị trường và niêm yết tại đơn vị. Nguyên nhân biến động giá đá xây dựng các loại từ năm 2024 đến nay là do giá vật tư, nhân công khai thác tăng cao; giá bồi thường, chuyển nhượng đất từ người dân để thực hiện dự án mỏ tăng rất cao; các khoản thuế, phí ... (*thuế tài nguyên, phí môi trường...*), giá điện, nhiên liệu tăng; và việc phê duyệt bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản định kỳ mỗi năm (*bắt*

<sup>1</sup> Thông báo số 405/TB-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 về kết luận của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khó khăn nguồn cung ứng vật liệu đá trên địa bàn tỉnh cho Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn Cần Thơ – Cà Mau; Thông báo số 84/TB-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về kết luận của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp giải quyết nguồn vật liệu xây dựng (cát, đá, vật liệu san lấp) trên địa bàn tỉnh Bình Dương cung ứng cho các Dự án đường trọng điểm quốc gia; Biên bản làm việc ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc rà soát, cân đối nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn vật liệu xây dựng phục vụ thi công dự án trọng điểm Quốc gia.

đầu từ năm 2024) dẫn đến giá thành sản phẩm đá xây dựng các loại tăng.

## **2.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc cung ứng vật liệu xây dựng cho các dự án, công trình trọng điểm**

Năm 2019 đến năm 2024, các Chủ đầu tư mỏ không cung ứng trực tiếp cho các công trình trọng điểm, từ đầu năm 2025 do các công trình trọng điểm triển khai đồng loạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương (cũ) do đó dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn vật liệu xây dựng, được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương (cũ) trong năm 2025 việc cung ứng của các Chủ đầu tư mỏ đã cơ bản đáp ứng ưu tiên và hỗ trợ về giá (từ 5% – 10%) cho các công trình trọng điểm, tuy nhiên tại một số thời điểm việc thiếu hụt cục bộ vẫn còn diễn ra và có biến động tăng giá vật liệu đá xây dựng, nguyên nhân như sau:

### *2.2.1. Nguyên nhân khách quan*

- Nhu cầu vật liệu tăng cao trong cùng thời điểm, nhiều công trình trọng điểm được triển khai đồng loạt.

- Hạn chế về tài nguyên và phân bố mỏ đá xây dựng: Nguồn đá xây dựng không phân bố đều, nhiều khu vực công trình không có mỏ gần, phải vận chuyển từ xa, làm tăng chi phí và giảm khả năng cung ứng kịp thời.

- Vướng mắc về cơ chế, chính sách và thủ tục:

+ Thủ tục cấp phép mới, gia hạn hoặc điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản còn mất nhiều thời gian; việc phê duyệt các hồ sơ môi trường còn chậm, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng khai thác.

+ Việc thực hiện thủ tục thuê đất kéo dài, chưa hoàn tất việc thuê toàn bộ diện tích đất theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt, dẫn đến phần lớn các mỏ tổ chức hoạt động khai thác khoáng sản chưa đạt công suất theo Giấy phép được cấp.

+ Việc quản lý tiêu chuẩn chất lượng đối với đá xây dựng thành phẩm đưa ra thị trường chưa có quy định thống nhất, dẫn đến các tổ chức, doanh nghiệp khai thác mỏ tự xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn chất lượng đối với sản phẩm do mình sản xuất. Thực trạng này làm cho chất lượng đá thành phẩm lưu thông trên thị trường không đồng đều và không đạt hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản.

+ Công tác quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm đá xây dựng chưa được quy định cụ thể; giá bán chủ yếu do doanh nghiệp khai thác xác định theo cơ chế thị trường và thực hiện niêm yết tại đơn vị, đồng thời việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm thông qua nhiều khâu trung gian làm gia tăng chi phí lưu thông, tác động trực tiếp đến giá thành cung ứng vật liệu, qua đó ảnh hưởng đến tính minh bạch và ổn định của thị trường khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

+ Thành phố Hồ Chí Minh chưa ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật để thực hiện cơ chế quản lý về giá và tiêu chuẩn chất lượng đối với vật liệu đá xây dựng theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Giá.

+ Công tác quản lý, kiểm soát khối lượng khoáng sản của các cơ quan quản lý nhà nước còn thực hiện thủ công, chưa ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo chặt chẽ, giám sát khối lượng, hạn chế thất thoát.

### 2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác dự báo và điều phối nguồn vật liệu chưa hiệu quả: Việc dự báo nhu cầu vật liệu xây dựng theo từng giai đoạn thi công của các công trình trọng điểm chưa sát thực tế; thiếu cơ chế điều phối, ưu tiên nguồn vật liệu cho các dự án trọng điểm.

- Năng lực khai thác của một số Chủ đầu tư mỏ đá xây dựng còn hạn chế: Một số mỏ đá xây dựng khai thác dưới công suất được phép do hạn chế về thiết bị, nhân lực hoặc chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất.

- Liên kết giữa Chủ đầu tư mỏ đá xây dựng và các nhà thầu chưa chặt chẽ: Hợp đồng cung ứng vật liệu chưa mang tính ổn định, dài hạn; chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm cung cấp vật liệu cho các dự án, công trình trọng điểm.

- Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với Chủ đầu tư khai thác mỏ, chủ đầu tư các dự án và đơn vị thi công các công trình trọng điểm còn thiếu đồng bộ, chưa bảo đảm tính liên kết trong quá trình điều hành và tổ chức thực hiện. Thực trạng này dẫn đến công tác dự báo nhu cầu, lập kế hoạch và triển khai phương án cung ứng vật liệu xây dựng, nhất là đá xây dựng, chưa sát với diễn biến và nhu cầu thực tế, qua đó ảnh hưởng đến tiến độ cung ứng và công tác quản lý nhà nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối, theo dõi và quản lý sản lượng khoáng sản khai thác giữa cơ quan quản lý nhà nước và Chủ đầu tư mỏ chưa được triển khai theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản. Thực trạng này làm hạn chế khả năng cập nhật, đối chiếu và giám sát kịp thời khối lượng khoáng sản khai thác thực tế, ảnh hưởng đến công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra và điều hành trong lĩnh vực khoáng sản.

## 2.3. Định hướng giải pháp giải quyết tình trạng khan hiếm vật liệu đá xây dựng hiện nay

### 2.3.1. Nhu cầu sử dụng khối lượng đá các loại của đơn vị thi công công trình

Năm 2025 và đầu năm 2026 Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, tập trung hoàn thành các dự án lớn (*sân bay, cao tốc, vành đai, Metro*) nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, với hàng trăm công trình được thúc đẩy thi công “thần tốc”, dẫn đến nhu cầu về đá xây dựng tăng đột biến, tình trạng khan hiếm nguồn vật liệu xây dựng trong khu vực.

### 2.3.2. Khả năng cung ứng vật liệu năm 2026

Theo báo cáo của Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 46 công trình, dự án trọng điểm với nhu cầu sử dụng đá xây dựng trong năm 2026 khoảng 28,16 triệu m<sup>3</sup>. Dự kiến khả năng cung ứng từ các mỏ đạt khoảng 17,855 triệu m<sup>3</sup> (*Bình Dương có 16 mỏ, khả năng*

cung cấp 13,22 triệu m<sup>3</sup>; Bà Rịa – Vũng Tàu 09 mỏ, khả năng cung cấp 3,55 triệu m<sup>3</sup>, 1,085 triệu m<sup>3</sup> từ 02 Mỏ Puzolan). Tổng nguồn cung nêu trên cơ bản đáp ứng khoảng 69,5% nhu cầu vật liệu phục vụ các công trình, dự án trọng điểm trong năm 2026. Tuy nhiên, khả năng đáp ứng thực tế còn phụ thuộc vào chất lượng đá khai thác tại từng thời điểm, từng khu vực mỏ, mức độ phù hợp với yêu cầu thiết kế kỹ thuật cũng như tiến độ thi công của từng dự án, công trình.

### 2.3.3. Định hướng giải pháp

- Các sở, ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục về đất đai, môi trường, khoáng sản; kịp thời tháo gỡ khó khăn trong việc thuê đất, gia hạn giấy phép, điều chỉnh công suất khai thác nhằm nâng cao năng lực cung ứng vật liệu xây dựng; xây dựng cơ sở dữ liệu và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát sản lượng khoáng sản khai thác; tăng cường công tác dự báo, điều phối nguồn vật liệu phục vụ các công trình, dự án trọng điểm; thường xuyên cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng; nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện cơ chế quản lý chất lượng và giá đối với sản phẩm đá xây dựng.

- Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đầu tư nâng cao năng lực khai thác, chế biến; khai thác đúng công suất được cấp phép, công khai giá bán và ưu tiên cung ứng vật liệu cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Chủ đầu tư và đơn vị thi công chủ động dự báo nhu cầu, lập kế hoạch sử dụng vật liệu theo tiến độ thực hiện dự án; tăng cường phối hợp với các đơn vị khai thác để bảo đảm nguồn cung ổn định, hạn chế tình trạng thiếu hụt cục bộ và biến động giá.

## 3. Kết quả thực hiện các Kết luận thanh, kiểm tra và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Chủ đầu tư 6/6 mỏ cung cấp 31 Kết luận thanh tra, kiểm tra và 08 Quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước từ năm 2019 đến năm 2025.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Có 5/6 mỏ, Chủ đầu tư đã cơ bản hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, vi phạm trong việc chấp hành pháp luật về môi trường, khoáng sản và lĩnh vực khác có liên quan trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Có 1/6 mỏ, Chủ đầu tư chưa hoàn thành việc khắc phục về vi phạm việc sử dụng đất (15.000m<sup>2</sup>) phục vụ hoạt động khai thác nhưng chưa được Nhà nước cho thuê (Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Tân Mỹ - Mỏ Tân Mỹ A+D: chưa khắc phục vi phạm theo Quyết định số 478/QĐ-XPVPHC ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương (cũ)).

## III. KẾT LUẬN

Chủ đầu tư các mỏ khoáng sản đá vật liệu xây dựng cơ bản đều chấp hành quy định pháp luật về hồ sơ pháp lý về đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường; có lập sổ theo dõi khối lượng đá khai thác từ moong định kỳ hàng tháng; hộ chiếu nổ mìn, phiếu xuất kho vật liệu nổ công nghiệp; biên bản nghiệm thu khối lượng

của từng khâu công nghệ khai thác; hợp đồng mua bán khoáng sản; chứng từ bán hàng/phiếu xuất khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra ngoài khu vực khai thác khoáng sản; thực hiện đo đạc Bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế quy định tại Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; đã ký quỹ cải tạo, phục hồi bảo vệ môi trường; báo cáo tình hình khai thác khoáng sản và công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm; thực hiện nghĩa vụ tài chính. Chủ đầu tư mở tham gia hỗ trợ, xây dựng, phát triển địa phương. Hoạt động khai thác khoáng sản ổn định, góp phần cung ứng vật liệu xây dựng cho khu vực và cho các dự án, công trình có vốn đầu tư công, trọng điểm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót, vi phạm cần khắc phục, cụ thể như sau:

### **1. Đối với Chủ đầu tư 6 mỏ**

Qua thanh tra cho thấy, các Chủ đầu tư mỏ vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường, an toàn lao động và nghĩa vụ tài chính như đã nêu ở phần kết quả kiểm tra, xác minh, cụ thể:

- Về đất đai, hầu hết Chủ đầu tư các mỏ chưa thuê hết diện tích đất dự kiến sử dụng; còn trường hợp sử dụng đất phục vụ hoạt động khai thác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho thuê, mặc dù đã được cơ quan chức năng xử lý vi phạm nhưng việc khắc phục còn chậm.

- Trong hoạt động khai thác và vận chuyển khoáng sản, vẫn còn tình trạng đưa dự án vào khai thác chậm tiến độ, chưa hoàn thiện đầy đủ hạ tầng, công trình phụ trợ theo quy định; khai thác vượt công suất theo giấy phép, việc quản lý khu vực khai thác chưa chặt chẽ, còn phát sinh các nội dung chưa phù hợp về cấm mốc, bố trí thiết bị, sử dụng đất đá thải và thực hiện các biện pháp kỹ thuật sau khai thác.

- Đối với lĩnh vực môi trường và an toàn lao động, còn trường hợp mỏ đưa vào vận hành khi chưa có Giấy phép môi trường; công tác quản lý chất thải và hệ thống văn bản về an toàn, vệ sinh lao động còn chưa bảo đảm đầy đủ theo quy định.

- Về nghĩa vụ tài chính, một số Chủ đầu tư mỏ còn phát sinh nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và phí bảo vệ môi trường. Sau khi được Thanh tra Thành phố chỉ ra, đã thực hiện nộp bổ sung. Một số vướng mắc phát sinh chủ yếu liên quan đến việc áp dụng quy định mới của Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành trong quá trình xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp.

Trách nhiệm thuộc về Người đại diện theo pháp luật các doanh nghiệp là chủ đầu tư các mỏ có liên quan.

### **2. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Công tác chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các doanh nghiệp khai thác mỏ trong việc khảo sát, đánh giá chất lượng đá tại từng mỏ chưa được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ và thiếu tính chủ động. Việc tổng hợp, đối chiếu và phân

bổ nguồn đá cho các nhà thầu, đơn vị thi công chưa bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ giữa sản lượng và chất lượng vật liệu cung ứng, từ đó ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm.

- Chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công tác theo dõi, kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện dự án; đồng thời, chưa tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường, đất đai và khoáng sản đối với nhà đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Quyết định số 3697/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (*Mỏ Tam Lập 3*).

- Chưa thực hiện đầy đủ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền (*nếu có*) đối với việc bảo đảm an toàn lao động, quản lý, vận hành máy móc, thiết bị trong hoạt động khai thác khoáng sản là chưa thực hiện theo quy định tại khoản 35 Điều 2 Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Có tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản. Tuy nhiên, công tác theo dõi, nắm bắt tình hình thực tiễn, tổng hợp và tham mưu đề xuất giải pháp xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh còn chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách.

- Ban hành Công văn số 2533/STNMT-TNNKS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm từ năm 2018 - 2022 không đúng thẩm quyền (*Mỏ Tân Mỹ A+D*).

- Chưa thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh đơn giá thuê đất chu kỳ 5 năm/lần theo hợp đồng cho thuê (*Mỏ Tân Mỹ A+D*).

Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các phòng, ban, cá nhân tham mưu thời kỳ có liên quan.

### **3. Đối với Sở Xây dựng**

- Công tác theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản nhóm II (*hiện nay là khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm xi măng*), tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn chưa được thực hiện chủ động, thường xuyên theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm h khoản 9 Điều 2 Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc thống kê, rà soát và lập kế hoạch nhu cầu vật liệu đá xây dựng phục vụ các dự án, công trình trọng điểm còn chậm, chưa bám sát tình hình thực tiễn cũng như nhu cầu phát sinh tại hiện trường. Công tác dự báo nhu cầu vật liệu chưa bảo đảm độ chính xác cần thiết, tổ chức cung ứng chưa được thực hiện theo phương

thức trực tiếp, liên tục phải qua nhiều khâu trung gian từ mô đến công trình.

- Chưa đảm bảo công tác lưu trữ và quản lý tài liệu, cơ sở dữ liệu trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính ở địa phương theo nội dung hướng dẫn tại Công văn số 414/BNV-VTLTNN ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc tăng cường quản lý công tác văn thư, lưu trữ trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị và chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 37 và điểm c khoản 2 Điều 39 Thông tư số 06/2025/TT-BNV quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ.

- Chưa kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định thiết lập cơ sở pháp lý phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát chất lượng, điều tiết và bình ổn thị trường vật liệu đá xây dựng trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Giá.

- Chưa thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền đối với việc thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Sở Xây dựng thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (*Mở Tam Lập 3*); công tác kiểm tra an toàn xe cơ giới vận chuyển đá theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tại điểm a khoản 11 Điều 2 Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Sở Xây dựng và các phòng, ban, cá nhân tham mưu thời kỳ có liên quan.

#### **4. Đối với Sở Tài chính**

Chưa thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá các nội dung quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo chức năng, thẩm quyền, đặc biệt đối với quy mô dự án, tiến độ thực hiện dự án theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 3697/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (*Mở Tam Lập 3*).

Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Sở Tài chính và các phòng, ban, cá nhân tham mưu thời kỳ có liên quan.

#### **5. Đối với Thuế Thành phố Hồ Chí Minh**

Chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc rà soát, điều chỉnh đơn giá thuê đất chu kỳ 5 năm/lần theo hợp đồng cho thuê (*Mở Tân Mỹ A+D*).

Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và các phòng, ban, cá nhân tham mưu thời kỳ có liên quan.

#### IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Căn cứ quy định pháp luật, Biên bản làm việc với Chủ đầu tư mỏ và tính chất, mức độ vi phạm, Chánh Thanh tra Thành phố đã ban hành Quyết định số 631/QĐ-TTTP-P2 ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc thu hồi tiền với tổng số tiền là 336.529.888 đồng (*phí bảo vệ môi trường*) của 01 Chủ đầu tư (*Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương*). Trong trường hợp sau này các cơ quan chức năng kiểm tra, xác định bổ sung nghĩa vụ tài chính thì Chủ đầu tư mỏ có trách nhiệm thực hiện.

Đến nay, Chủ đầu tư chấp hành nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền là 336.529.888 đồng (*Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 28 tháng 5 năm 2026*).

#### V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra Thành phố kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp xử lý như sau:

##### 1. Về cơ chế, chính sách

- Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ đầu tư mỏ thực hiện thủ tục cấp mới, gia hạn hoặc điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản; đồng thời đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường phục vụ mở rộng hoạt động khai thác. Nghiên cứu ban hành cơ chế phân phối vật liệu phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu thi công các dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn Thành phố và khu vực lân cận.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về hoạt động khoáng sản và bảo đảm kết nối đồng bộ với các hệ thống liên quan trước ngày 01 tháng 01 năm 2030 theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch quản lý vật liệu xây dựng; tiêu chuẩn chất lượng và công tác điều hành giá theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Sở Xây dựng tham mưu ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác quản lý giá và tiêu chuẩn chất lượng đối với vật liệu đá xây dựng theo nhiệm vụ được giao tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP (*nếu có*).

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP và khoản 17, khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 147/2025/QH15 liên quan cơ chế ưu tiên cấp phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng phục vụ các công trình, dự án trọng điểm; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao công suất khai thác và bảo đảm nguồn cung vật liệu xây dựng.

- Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các

đơn vị liên quan tham mưu khẩn trương triển khai các giải pháp quản lý nguồn cung vật liệu xây dựng theo “Đề án phát triển vật liệu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” đã được chấp thuận chủ trương tại Công văn số 4696/UBND-ĐT ngày 15 tháng 12 năm 2025; xây dựng phương án điều phối nguồn vật liệu theo từng giai đoạn, từng nhóm dự án và các tình huống phát sinh; xác định các mỏ khoáng sản có chất lượng cao để ưu tiên cung cấp cho các công trình có yêu cầu kỹ thuật tương ứng khi cấp mới hoặc gia hạn giấy phép khai thác.

- Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu triển khai các giải pháp quản lý giá vật liệu xây dựng; nghiên cứu bổ sung cát, đá xây dựng vào danh mục vật liệu xây dựng đặc thù thực hiện kê khai giá theo quy định; xem xét quy định tỷ lệ bán trực tiếp cho các dự án đầu tư công khi đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác nhằm hạn chế tình trạng mua bán qua trung gian làm tăng giá vật liệu. Đối với các mỏ có chất lượng cao, cần ưu tiên cung cấp cho các dự án, công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, hạn chế phân phối đại trà.

## **2. Đối với các Chủ đầu tư mỏ**

Khắc phục ngay những hành vi vi phạm theo ghi nhận của Thanh tra Thành phố và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong quá trình khai thác, cung ứng và các quyết định xử lý của Thanh tra Thành phố. Chịu trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ theo Giấy phép khai thác khoáng sản và Luật Địa chất và Khoáng sản.

## **3. Đối với Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền quản lý cán bộ thời kỳ phát sinh vụ việc đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Tăng cường vai trò chủ trì, chủ động phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị khai thác mỏ trong công tác khảo sát, đánh giá chất lượng đá; thực hiện thường xuyên, chặt chẽ và kịp thời. Nâng cao hiệu quả công tác tổng hợp, phân bổ nguồn vật liệu, bảo đảm đồng bộ giữa sản lượng, chất lượng và nhu cầu thi công.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tiến độ dự án; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về môi trường, đất đai, khoáng sản, giám sát an toàn lao động, quản lý, vận hành máy móc, thiết bị trong hoạt động khai thác khoáng sản của nhà đầu tư theo thẩm quyền; kịp thời hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật và xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm.

- Rà soát thẩm quyền, kiến nghị phân cấp, phân quyền (nếu có) trong công tác xác định tiền cấp quyền khoáng sản để ban hành các văn bản liên quan phù hợp với quy định pháp luật.

- Chủ động kiểm tra, rà soát các giấy phép đã cấp, việc chấp hành quy định trong khai thác khoáng sản của các mỏ để xem xét xử lý theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

#### **4. Đối với Giám đốc Sở Xây dựng**

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền quản lý cán bộ thời kỳ phát sinh vụ việc đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Tăng cường tính chủ động trong công tác khảo sát, đánh giá chất lượng, sản lượng đá tại các mỏ; thực hiện thường xuyên, sát thực tế. Nâng cao chất lượng thống kê, dự báo và lập kế hoạch nhu cầu vật liệu; tổ chức cung ứng theo hướng trực tiếp, hạn chế trung gian, bảo đảm kịp thời cho các công trình, dự án trọng điểm. Chú trọng công tác quản lý nhóm vật liệu xây dựng, công tác quản lý giá theo Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giá và theo Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quy định quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố. Tham mưu công tác quản lý tiêu chuẩn chất lượng đối với vật liệu đá xây dựng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án, hồ sơ thiết kế thi công và hoạt động vận chuyển vật liệu; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và an toàn trong hoạt động khai thác, vận chuyển.

- Chú trọng kiểm tra, rà soát công tác lưu trữ hồ sơ trong quá trình sắp xếp tổ chức, bộ máy.

#### **5. Đối với Giám đốc Sở Công thương**

Tăng cường công tác giám sát và theo dõi việc thực hiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các mỏ đá xây dựng; chủ động xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền theo quy định.

#### **6. Đối với Giám đốc Sở Tài chính**

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền quản lý cán bộ thời kỳ phát sinh vụ việc đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Rà soát, giám sát và quản lý các nhóm dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, đặc biệt các dự án vật liệu xây dựng; đảm bảo các dự án triển khai đúng mục tiêu, tiến độ; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc dự án, đảm bảo nguồn cung cho các công trình, khơi thông nguồn lực phát triển kinh tế.

#### **7. Đối với Trưởng Thuế Thành phố Hồ Chí Minh**

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền quản lý cán bộ thời kỳ phát sinh vụ việc đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Rà soát, hoàn thiện ngay hệ thống thông báo nộp tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm; đảm bảo gửi thông báo kịp thời, đầy đủ cho doanh nghiệp.

- Xây dựng và cập nhật đầy đủ hồ sơ theo dõi nghĩa vụ tài chính của từng doanh nghiệp khai thác khoáng sản, bao gồm số tiền phải nộp, đã nộp, miễn giảm,

khấu trừ và số còn nợ (nếu có).

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản.

### **8. Đối với Chủ đầu tư các dự án, công trình trọng điểm**

- Yêu cầu đơn vị thi công lập kế hoạch, tiến độ sử dụng vật liệu để khi ký hợp đồng thì các mỏ khoáng sản có thể chủ động chuẩn bị, tránh trường hợp tập trung sử dụng vật liệu tại một thời điểm làm nhu cầu vật liệu tăng cao, vượt khả năng đáp ứng của các mỏ khoáng sản; Chủ đầu tư khi thực hiện lựa chọn nhà thầu có thể cân nhắc ưu tiên tăng điểm đối với trường hợp nhà thầu có nguồn mỏ khoáng sản hoặc nguồn cung vật liệu ổn định, cụ thể như đã mua dự trữ để phục vụ dự án hoặc có hợp đồng hứa mua – hứa bán với các mỏ khoáng sản, tránh trường hợp trúng thầu với giá thấp nhưng lại không có nguồn vật liệu để thực hiện dự án.

- Yêu cầu đơn vị thi công công trình trọng điểm đề nghị nhà thầu chịu trách nhiệm đối với đơn giá đã chào thầu, tính toán đầy đủ chi phí vật liệu; tránh tình trạng bỏ giá thấp để trúng thầu nhưng khi triển khai không thực hiện được, gây áp lực lên nguồn cung vật liệu xây dựng trên thị trường.

### **9. Đối với Sở Nội vụ**

Tham mưu kiểm điểm trách nhiệm đối với lãnh đạo các sở, ngành theo phân cấp quản lý cán bộ thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý đối với các sai phạm, thiếu sót như đã nêu tại kết luận thanh tra.

### **10. Đối với Chánh Thanh tra Thành phố**

- Chuyển nộp ngân sách nhà nước đối với khoản phí bảo vệ môi trường đã thu tại tài khoản tạm giữ của Thanh tra Thành phố.

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; tổng hợp báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, xử lý và chỉ đạo thực hiện Kết luận thanh tra theo Điều 53 Luật Thanh tra năm 2025./.

#### **Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ - Cục III (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND TPHCM (để báo cáo);
- PCT UBNDTP Trần Văn Bảy (để báo cáo);
- UBKT Thành ủy TPHCM (để báo cáo);
- Chánh Thanh tra Thành phố (để báo cáo);
- Phó Chánh Thanh tra Thành phố (đ/c Thủy);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Sở Công Thương;
- Sở Nội vụ;
- Thuế TPHCM;
- Chủ đầu tư của 06 mỏ;
- Lưu: VT, P2, P10, ĐTT.

(để thực hiện)

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**